

**CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ
WATERFRONT ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140/2026/DNWF-CV

TP. Đồng Nai, ngày 09 tháng 9 năm 2026

V/v công bố thông tin Dự án Chung cư
nhà ở xã hội tại lô đất 2.1.NOXH-01
thuộc Phân khu 2.1 Dự án Đồng Nai
Waterfront (sau khi khởi công).

SỔ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Số: 17884

ĐẾN Ngày: 09/09/2026

Chuyển:

Số và chữ ký HS:

Kính gửi: - UBND phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai

- Sở Xây dựng Thành phố Đồng Nai

- Báo Đồng Nai

Công ty TNHH Thành phố Waterfront Đồng Nai là Chủ Đầu tư Dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất 2.1.NOXH-01 thuộc Phân khu 2.1 Dự án Đồng Nai Waterfront, phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai (“Dự án”).

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, điểm a khoản 1 Điều 34 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản và Thông báo khởi công số 111/2026/DNWF-TB về việc Khởi công xây dựng Hạng mục Cọc Đại trà và Đài Móng của Dự án, Công ty TNHH Thành phố Waterfront Đồng Nai cung cấp các nội dung để công bố thông tin Dự án như sau:

1. Tên dự án: Chung cư Nhà ở Xã hội tại lô đất 2.1.NOXH-01 thuộc Phân khu 2.1 Dự án Đồng Nai Waterfront.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thành phố Waterfront Đồng Nai.

3. Địa điểm xây dựng dự án: phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai.

4. Địa chỉ liên lạc: Số 4, Đường Y2, Tiểu khu 1A-1, Phân khu 5, Dự án Đồng Nai Waterfront, phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

5. Địa chỉ nộp đơn đăng ký:

- Khu vực Đồng Nai: Dự án Đồng Nai Waterfront (Tên thương mại: Izumi City) tại phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai
- Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 7, Tòa nhà IMV Số 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian khởi công: 10/08/2026;
- Dự kiến hoàn thành xây dựng (Phần cọc đại trà và móng): 30/10/2026;
- Dự kiến hoàn thành xây dựng (Phần công trình): 30/10/2027.

7. Quy mô Dự án: Gồm 02 Khối, Khối Z1 và Khối Z2:

- Khối Z1: quy mô 10 tầng Số lượng căn hộ: 208 căn;

- Khối Z2: quy mô 10 tầng Số lượng căn hộ: 210 căn.

- Diện tích sàn xây dựng tối đa: 35.574,3 m².

8. Tổng số lượng căn hộ đưa vào kinh doanh:

Số lượng căn hộ để bán: 418 căn.

9. Số lượng và diện tích đối với từng loại căn hộ:

- Diện tích thông thủy/lọt lòng căn hộ: Từ 40,42 m²/căn đến 76,93 m²/căn (đính kèm danh sách chi tiết diện tích căn hộ và số lượng căn hộ tương ứng)

10. Giá bán tạm tính: Từ 23.000.000 đồng/m² đến 25.000.000 đồng/m² (Giá bán tính trên diện tích thông thủy/lọt lòng, đã bao gồm VAT, chưa bao gồm Kinh phí bảo trì).

11. Thời gian dự kiến bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đăng ký: Quý IV/2026

Bằng văn bản này, Công ty TNHH Thành phố Waterfront Đồng Nai công bố công khai thông tin Dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất 2.1.NOXH-01 thuộc Phân khu 2.1 Dự án Đồng Nai Waterfront đến Sở Xây dựng Thành phố Đồng Nai, UBND phường Long Hưng và Báo Đồng Nai được biết.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: PLDA.

**CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ
WATERFRONT ĐỒNG NAI**



TRƯƠNG CÔNG NGHĨA

**DANH SÁCH CĂN HỘ DỰ ÁN KHU CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI LÔ ĐẤT
2.1.NOXH THUỘC PHÂN KHU 2.1 DỰ ÁN ĐỒNG NAI WATERFRONT**

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
1	Z1	Z1-01.01	56,50	53,32
2	Z1	Z1-01.02	56,54	53,32
3	Z1	Z1-01.03	56,91	53,76
4	Z1	Z1-01.04	56,91	53,76
5	Z1	Z1-01.05	58,94	55,75
6	Z1	Z1-01.06	61,18	57,34
7	Z1	Z1-01.07	76,00	71,02
8	Z1	Z1-01.08	76,00	71,02
9	Z1	Z1-01.09	76,00	71,02
10	Z1	Z1-01.10	76,34	71,27
11	Z1	Z1-01.11	67,88	64,19
12	Z1	Z1-01.12	82,45	76,93
13	Z1	Z1-01.13	81,89	76,75
14	Z1	Z1-01.14	81,89	76,75
15	Z1	Z1-01.15	81,89	76,75
16	Z1	Z1-01.16	81,89	76,75
17	Z1	Z1-01.17	81,89	76,75
18	Z1	Z1-01.18	81,89	76,75
19	Z1	Z1-01.19	82,45	76,93
20	Z1	Z1-02.01	64,20	60,31
21	Z1	Z1-02.02	64,14	60,28
22	Z1	Z1-02.03	64,60	60,76
23	Z1	Z1-02.04	64,60	60,76
24	Z1	Z1-02.05	73,23	68,57
25	Z1	Z1-02.06	73,73	69,02
26	Z1	Z1-02.07	43,24	40,51
27	Z1	Z1-02.08	64,60	60,77
28	Z1	Z1-02.09	64,14	60,28
29	Z1	Z1-02.10	64,14	60,28
30	Z1	Z1-02.11	73,53	68,87
31	Z1	Z1-02.12	64,61	60,71
32	Z1	Z1-02.13	73,43	68,72
33	Z1	Z1-03.01	64,20	60,45

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
34	Z1	Z1-03.02	64,14	60,42
35	Z1	Z1-03.03	64,60	60,87
36	Z1	Z1-03.04	64,60	60,87
37	Z1	Z1-03.05	73,23	68,74
38	Z1	Z1-03.06	73,73	69,18
39	Z1	Z1-03.07	43,24	40,57
40	Z1	Z1-03.08	64,60	60,88
41	Z1	Z1-03.09	64,14	60,42
42	Z1	Z1-03.10	64,14	60,42
43	Z1	Z1-03.11	73,53	69,04
44	Z1	Z1-03.12	64,61	60,82
45	Z1	Z1-03.13	64,60	60,88
46	Z1	Z1-03.14	64,60	60,88
47	Z1	Z1-03.15	43,24	40,57
48	Z1	Z1-03.16	73,43	68,88
49	Z1	Z1-03.17	73,53	69,04
50	Z1	Z1-03.18	64,60	60,88
51	Z1	Z1-03.19	43,04	40,42
52	Z1	Z1-03.20	43,04	40,42
53	Z1	Z1-03.21	64,60	60,87
54	Z1	Z1-03.22	73,53	69,04
55	Z1	Z1-04.01	64,20	60,45
56	Z1	Z1-04.02	64,14	60,42
57	Z1	Z1-04.03	64,60	60,87
58	Z1	Z1-04.04	64,60	60,87
59	Z1	Z1-04.05	73,23	68,74
60	Z1	Z1-04.06	73,73	69,18
61	Z1	Z1-04.07	43,24	40,57
62	Z1	Z1-04.08	64,60	60,88
63	Z1	Z1-04.09	64,14	60,42
64	Z1	Z1-04.10	64,14	60,42
65	Z1	Z1-04.11	73,53	69,04
66	Z1	Z1-04.12	64,61	60,82
67	Z1	Z1-04.13	64,60	60,88
68	Z1	Z1-04.14	64,60	60,88

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
69	Z1	Z1-04.15	43,24	40,57
70	Z1	Z1-04.16	73,43	68,88
71	Z1	Z1-04.17	73,53	69,04
72	Z1	Z1-04.18	64,60	60,88
73	Z1	Z1-04.19	43,04	40,42
74	Z1	Z1-04.20	43,04	40,42
75	Z1	Z1-04.21	64,60	60,87
76	Z1	Z1-04.22	73,53	69,04
77	Z1	Z1-05.01	64,20	60,45
78	Z1	Z1-05.02	64,14	60,42
79	Z1	Z1-05.03	64,60	60,87
80	Z1	Z1-05.04	64,60	60,87
81	Z1	Z1-05.05	73,23	68,74
82	Z1	Z1-05.06	73,73	69,18
83	Z1	Z1-05.07	43,24	40,57
84	Z1	Z1-05.08	64,60	60,88
85	Z1	Z1-05.09	64,14	60,42
86	Z1	Z1-05.10	64,14	60,42
87	Z1	Z1-05.11	73,53	69,04
88	Z1	Z1-05.12	64,61	60,82
89	Z1	Z1-05.13	64,60	60,88
90	Z1	Z1-05.14	64,60	60,88
91	Z1	Z1-05.15	43,24	40,57
92	Z1	Z1-05.16	73,43	68,88
93	Z1	Z1-05.17	73,53	69,04
94	Z1	Z1-05.18	64,60	60,88
95	Z1	Z1-05.19	43,04	40,42
96	Z1	Z1-05.20	43,04	40,42
97	Z1	Z1-05.21	64,60	60,87
98	Z1	Z1-05.22	73,53	69,04
99	Z1	Z1-06.01	64,20	60,45
100	Z1	Z1-06.02	64,14	60,42
101	Z1	Z1-06.03	64,60	60,87
102	Z1	Z1-06.04	64,60	60,87
103	Z1	Z1-06.05	73,23	68,74

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
104	Z1	Z1-06.06	73,73	69,18
105	Z1	Z1-06.07	43,24	40,57
106	Z1	Z1-06.08	64,60	60,88
107	Z1	Z1-06.09	64,14	60,42
108	Z1	Z1-06.10	64,14	60,42
109	Z1	Z1-06.11	73,53	69,04
110	Z1	Z1-06.12	64,61	60,82
111	Z1	Z1-06.13	64,60	60,88
112	Z1	Z1-06.14	64,60	60,88
113	Z1	Z1-06.15	43,24	40,57
114	Z1	Z1-06.16	73,43	68,88
115	Z1	Z1-06.17	73,53	69,04
116	Z1	Z1-06.18	64,60	60,88
117	Z1	Z1-06.19	43,04	40,42
118	Z1	Z1-06.20	43,04	40,42
119	Z1	Z1-06.21	64,60	60,87
120	Z1	Z1-06.22	73,53	69,04
121	Z1	Z1-07.01	64,20	60,45
122	Z1	Z1-07.02	64,14	60,42
123	Z1	Z1-07.03	64,60	60,87
124	Z1	Z1-07.04	64,60	60,87
125	Z1	Z1-07.05	73,23	68,74
126	Z1	Z1-07.06	73,73	69,18
127	Z1	Z1-07.07	43,24	40,57
128	Z1	Z1-07.08	64,60	60,88
129	Z1	Z1-07.09	64,14	60,42
130	Z1	Z1-07.10	64,14	60,42
131	Z1	Z1-07.11	73,53	69,04
132	Z1	Z1-07.12	64,61	60,82
133	Z1	Z1-07.13	64,60	60,88
134	Z1	Z1-07.14	64,60	60,88
135	Z1	Z1-07.15	43,24	40,57
136	Z1	Z1-07.16	73,43	68,88
137	Z1	Z1-07.17	73,53	69,04
138	Z1	Z1-07.18	64,60	60,88

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
139	Z1	Z1-07.19	43,04	40,42
140	Z1	Z1-07.20	43,04	40,42
141	Z1	Z1-07.21	64,60	60,87
142	Z1	Z1-07.22	73,53	69,04
143	Z1	Z1-08.01	64,20	60,45
144	Z1	Z1-08.02	64,14	60,42
145	Z1	Z1-08.03	64,60	60,87
146	Z1	Z1-08.04	64,60	60,87
147	Z1	Z1-08.05	73,23	68,74
148	Z1	Z1-08.06	73,73	69,18
149	Z1	Z1-08.07	43,24	40,57
150	Z1	Z1-08.08	64,60	60,88
151	Z1	Z1-08.09	64,14	60,42
152	Z1	Z1-08.10	64,14	60,42
153	Z1	Z1-08.11	73,53	69,04
154	Z1	Z1-08.12	64,61	60,82
155	Z1	Z1-08.13	64,60	60,88
156	Z1	Z1-08.14	64,60	60,88
157	Z1	Z1-08.15	43,24	40,57
158	Z1	Z1-08.16	73,43	68,88
159	Z1	Z1-08.17	73,53	69,04
160	Z1	Z1-08.18	64,60	60,88
161	Z1	Z1-08.19	43,04	40,42
162	Z1	Z1-08.20	43,04	40,42
163	Z1	Z1-08.21	64,60	60,87
164	Z1	Z1-08.22	73,53	69,04
165	Z1	Z1-09.01	64,20	60,45
166	Z1	Z1-09.02	64,14	60,42
167	Z1	Z1-09.03	64,60	60,87
168	Z1	Z1-09.04	64,60	60,87
169	Z1	Z1-09.05	73,23	68,74
170	Z1	Z1-09.06	73,73	69,18
171	Z1	Z1-09.07	43,24	40,57
172	Z1	Z1-09.08	64,60	60,88
173	Z1	Z1-09.09	64,14	60,42

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
174	Z1	Z1-09.10	64,14	60,42
175	Z1	Z1-09.11	73,53	69,04
176	Z1	Z1-09.12	64,61	60,82
177	Z1	Z1-09.13	64,60	60,88
178	Z1	Z1-09.14	64,60	60,88
179	Z1	Z1-09.15	43,24	40,57
180	Z1	Z1-09.16	73,43	68,88
181	Z1	Z1-09.17	73,53	69,04
182	Z1	Z1-09.18	64,60	60,88
183	Z1	Z1-09.19	43,04	40,42
184	Z1	Z1-09.20	43,04	40,42
185	Z1	Z1-09.21	64,60	60,87
186	Z1	Z1-09.22	73,53	69,04
187	Z1	Z1-10.01	64,20	60,45
188	Z1	Z1-10.02	64,14	60,42
189	Z1	Z1-10.03	64,60	60,87
190	Z1	Z1-10.04	64,60	60,87
191	Z1	Z1-10.05	73,23	68,74
192	Z1	Z1-10.06	73,73	69,18
193	Z1	Z1-10.07	43,24	40,57
194	Z1	Z1-10.08	64,60	60,88
195	Z1	Z1-10.09	64,14	60,42
196	Z1	Z1-10.10	64,14	60,42
197	Z1	Z1-10.11	73,53	69,04
198	Z1	Z1-10.12	64,61	60,82
199	Z1	Z1-10.13	64,60	60,88
200	Z1	Z1-10.14	64,60	60,88
201	Z1	Z1-10.15	43,24	40,57
202	Z1	Z1-10.16	73,43	68,88
203	Z1	Z1-10.17	73,53	69,04
204	Z1	Z1-10.18	64,60	60,88
205	Z1	Z1-10.19	43,04	40,42
206	Z1	Z1-10.20	43,04	40,42
207	Z1	Z1-10.21	64,60	60,87
208	Z1	Z1-10.22	73,53	69,04

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
209	Z2	Z2-01.01	59,33	55,87
210	Z2	Z2-01.02	76,34	71,27
211	Z2	Z2-01.03	76,00	71,02
212	Z2	Z2-01.04	76,00	71,02
213	Z2	Z2-01.05	76,00	71,02
214	Z2	Z2-01.06	76,00	71,02
215	Z2	Z2-01.07	57,11	53,71
216	Z2	Z2-02.01	73,53	68,87
217	Z2	Z2-02.02	64,60	60,76
218	Z2	Z2-02.03	64,60	60,76
219	Z2	Z2-02.04	64,60	60,76
220	Z2	Z2-02.05	64,60	60,76
221	Z2	Z2-02.06	73,53	68,87
222	Z2	Z2-02.07	73,43	68,72
223	Z2	Z2-02.08	64,61	60,71
224	Z2	Z2-02.09	73,53	68,87
225	Z2	Z2-02.10	64,14	60,28
226	Z2	Z2-02.11	64,14	60,28
227	Z2	Z2-02.12	64,60	60,77
228	Z2	Z2-02.13	43,24	40,51
229	Z2	Z2-02.14	73,73	69,02
230	Z2	Z2-02.15	73,23	68,57
231	Z2	Z2-02.16	64,60	60,76
232	Z2	Z2-02.17	64,60	60,76
233	Z2	Z2-02.18	64,14	60,28
234	Z2	Z2-02.19	64,20	60,31
235	Z2	Z2-03.01	73,53	69,04
236	Z2	Z2-03.02	64,60	60,87
237	Z2	Z2-03.03	64,60	60,87
238	Z2	Z2-03.04	64,60	60,87
239	Z2	Z2-03.05	64,60	60,87
240	Z2	Z2-03.06	73,53	69,04
241	Z2	Z2-03.07	73,43	68,88
242	Z2	Z2-03.08	43,24	40,57
243	Z2	Z2-03.09	43,04	40,42

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
244	Z2	Z2-03.10	64,60	60,88
245	Z2	Z2-03.11	64,60	60,88
246	Z2	Z2-03.12	64,61	60,82
247	Z2	Z2-03.13	73,53	69,04
248	Z2	Z2-03.14	64,14	60,42
249	Z2	Z2-03.15	64,14	60,42
250	Z2	Z2-03.16	64,60	60,88
251	Z2	Z2-03.17	43,24	40,57
252	Z2	Z2-03.18	73,73	69,18
253	Z2	Z2-03.19	73,23	68,74
254	Z2	Z2-03.20	64,60	60,87
255	Z2	Z2-03.21	64,60	60,87
256	Z2	Z2-03.22	64,14	60,42
257	Z2	Z2-03.23	64,20	60,45
258	Z2	Z2-04.01	73,53	69,04
259	Z2	Z2-04.02	64,60	60,87
260	Z2	Z2-04.03	64,60	60,87
261	Z2	Z2-04.04	64,60	60,87
262	Z2	Z2-04.05	64,60	60,87
263	Z2	Z2-04.06	73,53	69,04
264	Z2	Z2-04.07	73,43	68,88
265	Z2	Z2-04.08	43,24	40,57
266	Z2	Z2-04.09	43,04	40,42
267	Z2	Z2-04.10	64,60	60,88
268	Z2	Z2-04.11	64,60	60,88
269	Z2	Z2-04.12	64,61	60,82
270	Z2	Z2-04.13	73,53	69,04
271	Z2	Z2-04.14	64,14	60,42
272	Z2	Z2-04.15	64,14	60,42
273	Z2	Z2-04.16	64,60	60,88
274	Z2	Z2-04.17	43,24	40,57
275	Z2	Z2-04.18	73,73	69,18
276	Z2	Z2-04.19	73,23	68,74
277	Z2	Z2-04.20	64,60	60,87
278	Z2	Z2-04.21	64,60	60,87

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
279	Z2	Z2-04.22	64,14	60,42
280	Z2	Z2-04.23	64,20	60,45
281	Z2	Z2-05.01	73,53	69,04
282	Z2	Z2-05.02	64,60	60,87
283	Z2	Z2-05.03	64,60	60,87
284	Z2	Z2-05.04	64,60	60,87
285	Z2	Z2-05.05	64,60	60,87
286	Z2	Z2-05.06	73,53	69,04
287	Z2	Z2-05.07	73,43	68,88
288	Z2	Z2-05.08	43,24	40,57
289	Z2	Z2-05.09	43,04	40,42
290	Z2	Z2-05.10	64,60	60,88
291	Z2	Z2-05.11	64,60	60,88
292	Z2	Z2-05.12	64,61	60,82
293	Z2	Z2-05.13	73,53	69,04
294	Z2	Z2-05.14	64,14	60,42
295	Z2	Z2-05.15	64,14	60,42
296	Z2	Z2-05.16	64,60	60,88
297	Z2	Z2-05.17	43,24	40,57
298	Z2	Z2-05.18	73,73	69,18
299	Z2	Z2-05.19	73,23	68,74
300	Z2	Z2-05.20	64,60	60,87
301	Z2	Z2-05.21	64,60	60,87
302	Z2	Z2-05.22	64,14	60,42
303	Z2	Z2-05.23	64,20	60,45
304	Z2	Z2-06.01	73,53	69,04
305	Z2	Z2-06.02	64,60	60,87
306	Z2	Z2-06.03	64,60	60,87
307	Z2	Z2-06.04	64,60	60,87
308	Z2	Z2-06.05	64,60	60,87
309	Z2	Z2-06.06	73,53	69,04
310	Z2	Z2-06.07	73,43	68,88
311	Z2	Z2-06.08	43,24	40,57
312	Z2	Z2-06.09	43,04	40,42
313	Z2	Z2-06.10	64,60	60,88

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
314	Z2	Z2-06.11	64,60	60,88
315	Z2	Z2-06.12	64,61	60,82
316	Z2	Z2-06.13	73,53	69,04
317	Z2	Z2-06.14	64,14	60,42
318	Z2	Z2-06.15	64,14	60,42
319	Z2	Z2-06.16	64,60	60,88
320	Z2	Z2-06.17	43,24	40,57
321	Z2	Z2-06.18	73,73	69,18
322	Z2	Z2-06.19	73,23	68,74
323	Z2	Z2-06.20	64,60	60,87
324	Z2	Z2-06.21	64,60	60,87
325	Z2	Z2-06.22	64,14	60,42
326	Z2	Z2-06.23	64,20	60,45
327	Z2	Z2-07.01	73,53	69,04
328	Z2	Z2-07.02	64,60	60,87
329	Z2	Z2-07.03	64,60	60,87
330	Z2	Z2-07.04	64,60	60,87
331	Z2	Z2-07.05	64,60	60,87
332	Z2	Z2-07.06	73,53	69,04
333	Z2	Z2-07.07	73,43	68,88
334	Z2	Z2-07.08	43,24	40,57
335	Z2	Z2-07.09	43,04	40,42
336	Z2	Z2-07.10	64,60	60,88
337	Z2	Z2-07.11	64,60	60,88
338	Z2	Z2-07.12	64,61	60,82
339	Z2	Z2-07.13	73,53	69,04
340	Z2	Z2-07.14	64,14	60,42
341	Z2	Z2-07.15	64,14	60,42
342	Z2	Z2-07.16	64,60	60,88
343	Z2	Z2-07.17	43,24	40,57
344	Z2	Z2-07.18	73,73	69,18
345	Z2	Z2-07.19	73,23	68,74
346	Z2	Z2-07.20	64,60	60,87
347	Z2	Z2-07.21	64,60	60,87
348	Z2	Z2-07.22	64,14	60,42

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
349	Z2	Z2-07.23	64,20	60,45
350	Z2	Z2-08.01	73,53	69,04
351	Z2	Z2-08.02	64,60	60,87
352	Z2	Z2-08.03	64,60	60,87
353	Z2	Z2-08.04	64,60	60,87
354	Z2	Z2-08.05	64,60	60,87
355	Z2	Z2-08.06	73,53	69,04
356	Z2	Z2-08.07	73,43	68,88
357	Z2	Z2-08.08	43,24	40,57
358	Z2	Z2-08.09	43,04	40,42
359	Z2	Z2-08.10	64,60	60,88
360	Z2	Z2-08.11	64,60	60,88
361	Z2	Z2-08.12	64,61	60,82
362	Z2	Z2-08.13	73,53	69,04
363	Z2	Z2-08.14	64,14	60,42
364	Z2	Z2-08.15	64,14	60,42
365	Z2	Z2-08.16	64,60	60,88
366	Z2	Z2-08.17	43,24	40,57
367	Z2	Z2-08.18	73,73	69,18
368	Z2	Z2-08.19	73,23	68,74
369	Z2	Z2-08.20	64,60	60,87
370	Z2	Z2-08.21	64,60	60,87
371	Z2	Z2-08.22	64,14	60,42
372	Z2	Z2-08.23	64,20	60,45
373	Z2	Z2-09.01	73,53	69,04
374	Z2	Z2-09.02	64,60	60,87
375	Z2	Z2-09.03	64,60	60,87
376	Z2	Z2-09.04	64,60	60,87
377	Z2	Z2-09.05	64,60	60,87
378	Z2	Z2-09.06	73,53	69,04
379	Z2	Z2-09.07	73,43	68,88
380	Z2	Z2-09.08	43,24	40,57
381	Z2	Z2-09.09	43,04	40,42
382	Z2	Z2-09.10	64,60	60,88
383	Z2	Z2-09.11	64,60	60,88



TÀI XỨ

STT	Khối	Mã căn	Diện tích tìm tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
384	Z2	Z2-09.12	64,61	60,82
385	Z2	Z2-09.13	73,53	69,04
386	Z2	Z2-09.14	64,14	60,42
387	Z2	Z2-09.15	64,14	60,42
388	Z2	Z2-09.16	64,60	60,88
389	Z2	Z2-09.17	43,24	40,57
390	Z2	Z2-09.18	73,73	69,18
391	Z2	Z2-09.19	73,23	68,74
392	Z2	Z2-09.20	64,60	60,87
393	Z2	Z2-09.21	64,60	60,87
394	Z2	Z2-09.22	64,14	60,42
395	Z2	Z2-09.23	64,20	60,45
396	Z2	Z2-10.01	73,53	69,04
397	Z2	Z2-10.02	64,60	60,87
398	Z2	Z2-10.03	64,60	60,87
399	Z2	Z2-10.04	64,60	60,87
400	Z2	Z2-10.05	64,60	60,87
401	Z2	Z2-10.06	73,53	69,04
402	Z2	Z2-10.07	73,43	68,88
403	Z2	Z2-10.08	43,24	40,57
404	Z2	Z2-10.09	43,04	40,42
405	Z2	Z2-10.10	64,60	60,88
406	Z2	Z2-10.11	64,60	60,88
407	Z2	Z2-10.12	64,61	60,82
408	Z2	Z2-10.13	73,53	69,04
409	Z2	Z2-10.14	64,14	60,42
410	Z2	Z2-10.15	64,14	60,42
411	Z2	Z2-10.16	64,60	60,88
412	Z2	Z2-10.17	43,24	40,57
413	Z2	Z2-10.18	73,73	69,18
414	Z2	Z2-10.19	73,23	68,74
415	Z2	Z2-10.20	64,60	60,87
416	Z2	Z2-10.21	64,60	60,87
417	Z2	Z2-10.22	64,14	60,42
418	Z2	Z2-10.23	64,20	60,45